

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-KCNC ngày tháng 3 năm 2026
của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01 đến nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện được thu gom từ chụp hút số 01 đến số 18;
- Nguồn số 19 đến nguồn số 28: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện được thu gom từ chụp hút số 19 đến số 28;
- Nguồn số 29: Khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn;
- Nguồn số 30: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, lắp ráp tại tầng lửng;
- Nguồn số 31: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 40 KVA (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện);
- Nguồn số 32: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 65 KVA (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện);
- Nguồn số 33 đến nguồn số 75: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công (tương ứng 42 máy hàn tay có tích hợp thiết bị xử lý khí thải, không có ống thoát khí thải);
- Nguồn số 76: Khí thải phát sinh từ bơm PCCC sử dụng dầu DO (chỉ sử dụng khi có sự cố, không có ống thải);
- Nguồn số 77 đến nguồn số 106: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn linh kiện thủ công sản xuất cảm biến tại tầng lửng (tương ứng 30 máy hàn tay có tích hợp quạt hút);
- Nguồn số 107: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 200 KVA (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính - hệ thống số 01 (nguồn số 01 đến 18), tọa độ vị trí xả khí thải số 01: $X = 1198672$; $Y = 615875$;
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính - hệ thống số 02 (nguồn số 19 đến 28), tọa độ vị trí xả khí thải số 02: $X = 1199831$; $Y = 615546$;

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính và thiết bị quang xúc tác - hệ thống số 03 (nguồn số 30, nguồn số 77 đến 106), tọa độ vị trí xả khí thải số 03: X = 1199636; Y = 615449.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $8.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp - QCVN 19:2024/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02			Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ Cơ sở tự đề xuất quan trắc định kỳ 01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	≤ 40		
II	Dòng khí thải số 03				
1	Lưu lượng	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	≤ 40		
3	Xylen	mg/Nm^3	≤ 100		
4	Toluen	mg/Nm^3	≤ 40		
5	Styren	mg/Nm^3	≤ 100		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 đến nguồn số 18: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện được thu gom về hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính (hệ thống số 01) và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 3m (tính từ phần thông tầng);

- Nguồn số 19 đến nguồn số 29: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (nguồn số 19 đến nguồn số 28) và khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn (nguồn số 29) (đã được xử lý bởi thiết bị xử lý khí thải cục bộ bằng than hoạt tính có tích hợp quạt hút) được thu gom về hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính (hệ thống số 02) và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 3m (tính từ phần thông tầng);

- Nguồn số 30: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, lắp ráp tại tầng lửng được thu gom bằng 01 hệ thống chụp hút vào đường ống thu gom chung của hệ thống số 03;

- Nguồn số 31: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 40 KVA được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 2,3m (tính từ mặt đất);

- Nguồn số 32: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 65 KVA được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 2,3m (tính từ mặt đất);

- Nguồn số 33 đến nguồn số 75: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công sử dụng 42 máy hàn tay có tích hợp thiết bị xử lý khí thải cục bộ, khí sạch được thoát ra môi trường lao động;

- Nguồn số 76: Khí thải phát sinh từ bơm PCCC sử dụng dầu DO thoát trực tiếp ra môi trường (chỉ hoạt động khi có sự cố);

- Nguồn số 77 đến nguồn số 106: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn linh kiện thủ công sản xuất cảm biến tại tầng lửng được thu gom bằng 30 chụp hút đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính và thiết bị quang xúc tác (hệ thống số 03) và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 17m (tính từ mặt đất);

- Nguồn số 107: Khí thải phát sinh từ máy phát điện công suất 200 KVA được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao 2,3m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống số 01 (hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 18):

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút công suất 4.000 m³/giờ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống số 02 (hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 19 đến nguồn số 29):

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ nguồn số 19 đến nguồn số 28 → Hệ thống chụp hút (1) + Khí thải phát sinh từ nguồn số 29 → Thiết bị xử lý cục bộ tích hợp quạt hút (2) → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút công suất 4.000 m³/giờ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống số 03 (hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 30, nguồn số 77 đến nguồn số 106):

Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ nguồn số 30 → Quạt hút công suất 1.600 m³/giờ (1) + Khí thải phát sinh từ nguồn số 77 đến nguồn số 106 → Chụp hút (2) → Hệ thống đường ống thu gom → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Thiết bị quang xúc tác Lumox – TiO₂ → Quạt hút công suất 8.500 m³/giờ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 8.500 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính, đèn UV, bán dẫn TiO₂ (Titanium Dioxide).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống, hệ thống xử lý bụi, khí thải và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.

- Kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị sản xuất thường xuyên, đảm bảo hoạt động đúng quy trình nhà sản xuất đưa ra.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống.

- Trường hợp khi có sự cố Chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh khí thải. Chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh khí thải sau khi hệ thống xử lý khí thải đã được khắc phục xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm a khoản 6 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành lắp đặt hệ thống số 03.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống số 03: Hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính và thiết bị quang xúc tác (xử lý nguồn số 30, nguồn số 77 đến 106), công suất thiết kế 8.500 m³/giờ (dòng khí thải số 03).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 03, tọa độ vị trí xả khí thải số 03: X = 1199636; Y = 615449 (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn bụi, khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành các công trình xử lý bụi, khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị

định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phải có vị trí lấy mẫu và sàn công tác theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng.

3.6. Đảm bảo khí thải phát sinh tại cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

3.7. Khí thải phát sinh từ 03 máy phát điện dự phòng và 01 bơm PCCC sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp có sự cố, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.8. Đối với các nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý khí thải khuyến nghị Công ty có biện pháp quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm (theo đặc điểm, tính chất của nguồn thải) để chứng minh đảm bảo không vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải trong lĩnh vực môi trường.

3.9. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**